

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2018/DS-PT

Ngày: 16-11-2018

V/v tranh chấp “Chia quyền sử dụng đất
trong hộ; Chia di sản thừa kế; Bồi thường
thiệt hại về tài sản; Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy**.

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**;

Bà **Trần Thị Kim Em**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền**, Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2018/TLPT-DS
ngày 15 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Chia quyền sử dụng đất trong hộ;
Chia di sản thừa kế; Bồi thường thiệt hại về tài sản; Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2018/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018
của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 318/2018/QĐ-PT ngày
15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn A**, sinh năm 1964;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Anh: Bà **Nguyễn Lệ T**, sinh năm
1969; (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 11 năm 2017) (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn Khóc E**, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1955;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1948; (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 4 năm 2018) (có mặt)

Bà N, ông S cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà **Võ Thị R**, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh **Lê Văn S**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

5. Anh **Lê Tuấn A1**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp B1, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

6. Anh **Lê Tuấn D** sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh S, anh A1, anh D: Bà **Võ Thị R**, sinh năm 1958; (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 11 năm 2017)

7. Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1970 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

8. Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1993 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

9. Chị **Lê Thị Diễm T**, sinh năm 2000 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

10. Anh **Lê Trung T**, sinh năm 2008;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn Khóc E**, sinh năm 1967 (là cha ruột anh T).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

11. Anh **Võ Chí T**, sinh năm 1993. (xin vắng mặt). Anh T là người thừa kế thế vị của bà **Lê Thị M** (chết ngày 27/9/1994)

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Lê Văn Khóc E**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị M**, **Lê Văn T**, **Lê Thị Diễm T**, **Lê Trung T** (người đại diện theo pháp luật Lê Văn Khóc Em).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Lê Văn A và người đại diện theo ủy quyền của ông A là bà Nguyễn Lệ T trình bày:*

Cụ Lê Văn G và cụ Nguyễn Thị S là vợ chồng. Cụ G sinh năm 1925, mất ngày 29/01/1978; cụ S sinh năm 1925, mất ngày 11/11/2005. Hai cụ sinh được 06 người con gồm:

- Lê Thị T (Sinh năm 1953);
- Lê Thị N (Sinh năm 1955);
- Lê Văn E (Sinh năm 1960, mất ngày 23/8/2013. Ông E có vợ là bà Võ Thị R - Sinh năm 1958 và 03 người con gồm Lê Văn S - Sinh năm 1976; Lê Tuấn A1 - Sinh năm 1984; Lê Tuấn D - Sinh năm 1989);
- Lê Văn A (Sinh năm 1964);
- Lê Văn Khóc E (Sinh năm 1967);
- Lê Thị M (Sinh năm 1970; mất ngày 27/9/1994. Bà M có 01 người con tên Võ Chí T - Sinh 1993).

Cụ G và cụ S qua đời không để lại di chúc.

Sau khi cụ G chết thì quyền sử dụng đất chung của vợ chồng do cụ S tiếp tục sử dụng và kê khai đăng ký, được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) ngày 01/9/2004. Di sản thừa kế do cụ Sáu để lại gồm 01 ngôi nhà và 05 thửa đất với tổng diện tích là 14.465m². Cụ thể:

- Thửa đất số 1821, diện tích 6.566m², loại đất lúa;
- Thửa đất số 2015, diện tích 1.703m²; loại đất lúa;
- Thửa đất số 2057, diện tích 3.459m²; loại đất lúa;
- Thửa đất số 2058, diện tích 2.044m²; loại đất vườn thổ;
- Thửa đất số 2059, diện tích 693m²; loại đất ao (hồ);

Nhà được cất trên thửa đất số 2058 vào năm 2004, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Nhà đất tọa lạc tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Hiện ông Khóc E đang quản lý toàn bộ di sản thừa kế.

Sau khi cụ S qua đời, anh chị em trong gia đình có thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vào ngày 15/7/2013, thỏa thuận được lập tại trụ sở ấp B.

Nay ông A yêu cầu được chia di sản thừa kế của cụ S theo thỏa thuận ngày 15/7/2013. Cụ thể ông A yêu cầu được chia 230m² đất tại thửa 2059 (ngang 5m, dài 46m) và 2.500m² đất lúa tại thửa 1821. Yêu cầu được chia 1/6 diện tích đất thổ cư tại thửa 2058 là 50m² nhưng xin nhận đất tại thửa 2059. Như vậy ông A yêu cầu được nhận 280m² đất tại thửa 2059.

Ngoài ra ông A yêu cầu được chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với ngôi nhà do cụ S để lại. Cụ S cất nhà năm 2004 nhưng chưa lát gạch và dán tường (phần này do ông Khóc E tự làm sau). Bà T tự định giá phần nhà do cụ S để lại là 60.000.000đồng và yêu cầu được chia 1/6 giá trị ngôi nhà là 10.000.000đồng.

Ông A đã nhận 2.500m² đất lúa tại thửa 1821 và lên liếp trồng sả, nhưng

đến năm 2015 ông Khóc E tự ý lấy lại đất, nên bà T yêu cầu ông Khóc E trả lại hoa lợi trên đất trong 03 năm 2015, 2016, 2017 là 16.638.000đồng (gồm cả phần trồng sả trên 230m² đất tại thửa 2059). Yêu cầu ông Khóc E trả lại 8 cây trụ bê tông kích thước 01m x 10cm x 10cm.

Đối với yêu cầu phản tố về công bồi thổ của ông Khóc E tại thửa 2059. Bà T có ý kiến năm 2015 ông A đã trả tiền công bồi thổ đất tại thửa 2059 cho ông Khóc E là 15.000.000đồng. Nay bà T chỉ đồng ý công bồi thổ trên toàn bộ thửa đất 2059 là 30.000.000đồng và yêu cầu được căn trừ vào số tiền 15.000.000đồng đã đưa trước. Không đồng ý với yêu cầu chia quyền sử dụng đất trong hộ của ông Khóc E, bà M, anh T, chị Diễm T, cháu T.

- Bị đơn ông Lê Văn Khóc E trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn về hàng thừa kế. Về quyền sử dụng đất như bà T trình bày nhưng đây là đất cấp cho hộ cụ S, không phải là cấp cho cá nhân. Thành viên trong hộ cụ S tại thời điểm cấp đất gồm cụ S, ông Khóc E, bà M, anh T, chị Diễm T, cháu T. Nay ông Khóc E đồng ý lấy ½ diện tích đất đem chia di sản thừa kế do cụ S để lại theo pháp luật. Còn lại ½ diện tích đất là của ông Khóc E, bà M, anh T, chị Diễm T, cháu T. Ông Khóc E yêu cầu được chia QSDĐ trong hộ tại 03 thửa đất số 2015, 2057, 2058 vì trên đó có nhà của vợ chồng ông. Đồng ý chia di sản thừa kế của cụ S là thửa 1821 và 2059 theo pháp luật.

Đối với ngôi nhà không phải là di sản thừa kế do cụ S để lại, nhà của cụ S đã hư, mục không còn sử dụng được nên vợ chồng ông Khóc E đã xây dựng nhà mới hoàn toàn vào năm 2002, nên không đồng ý chia di sản thừa kế là ngôi nhà.

Ông Khóc E không đồng ý bồi thường hoa lợi trên đất cho ông A tại thửa 1821 và 2059 vì ông không có nhận hoa lợi trên đất.

Đối với yêu cầu của ông A về việc đòi lại 8 cây trụ đá, ông Khóc E đồng ý bồi thường 02 trụ đá.

Ông Khóc E có yêu cầu phản tố về công bồi thổ đất, yêu cầu ai nhận thừa kế đất tại thửa 2059 thì phải trả lại tiền công bồi thổ cho ông là 60.000.000đồng tương ứng với diện tích mà mỗi người được chia. Ông Khóc E đồng ý căn trừ số tiền bồi thổ 15.000.000đồng mà ông A đã đưa trước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị T trình bày:

Bà T thống nhất với lời trình bày của ông Khóc E, xác định đất cấp cho hộ cụ S. Nay đồng ý lấy thửa 2059 và thửa 1821 để chia di sản thừa kế theo pháp luật làm 06 phần bằng nhau. Theo đó bà T yêu cầu được chia thửa 1821 - diện tích 6.566m² chia 6 bằng 1.094m²; thửa 2059 diện tích 693m² chia 6 bằng 115,5m²; bà T xin được nhận đất ở vị trí giáp ông Khóc E.

Về ngôi nhà của cụ S đã hư mục, không còn sử dụng được, nên vợ chồng ông Khóc E cất lại nhà mới, đây là tài sản riêng của vợ chồng ông Khóc E nên bà T không yêu cầu chia di sản thừa kế là ngôi nhà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị N, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Ông S thống nhất với lời trình bày của bà T về hàng thừa kế và di sản thừa kế, xác định đất được cấp cho cá nhân cụ S.

Nay ông S yêu cầu ông Khóc E chia di sản thừa kế do cụ S để lại cho bà N là 184m² đất ao hồ tại thửa 2059; 2.709m² đất lúa tại thửa 1821 và 50m² đất thổ cư của thửa 2058, nhưng xin nhận bằng đất tại thửa 2059. Yêu cầu ông Khóc E chia 1/6 giá trị ngôi nhà là di sản thừa kế do cụ S để lại là 10.000.000đồng.

Ông S không đồng ý trả công bồi thổ tại thửa 2059 theo yêu cầu phản tố của ông Khóc E là 60.000.000đồng, chỉ đồng ý là 30.000.000đồng, đồng ý hoàn trả lại công bồi thổ cho ông Khóc E tương ứng với diện tích đất bà N được chia tại thửa 2059.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, anh Lê Tuấn D cùng ủy quyền cho bà Võ Thị R trình bày:*

Bà R thống nhất với lời trình bày của bà T về hàng thừa kế và di sản thừa kế, xác định đất được cấp cho cá nhân cụ S. Bà R là vợ của ông Lê Văn E, đã chết ngày 23/8/2013. Vợ chồng bà có 03 người con là Lê Văn S, Lê Tuấn A1 và Lê Tuấn D.

Bà R cùng 03 con yêu cầu được chia di sản thừa kế của cụ S là lối đi ngang 3m, dài ra đến khu mộ và nhận đất khu mộ là 500m², vị trí giáp đất Nguyễn Thanh A2. Không yêu cầu ông Khóc E chia di sản thừa kế là ngôi nhà.

Bà R đồng ý trả công bồi thổ cho ông Khóc E tại thửa 2059 tương ứng với diện tích được chia, nhưng chỉ đồng ý tổng tiền công bồi thổ của thửa 2059 là 30.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Võ Chí T trình bày:*

Anh T là con của bà Lê Thị M đã chết ngày 27/9/1994. Nay anh T yêu cầu được chia di sản thừa kế do cụ S để lại là 1/6 diện tích đất tại thửa 2059 và 1821. Không yêu cầu chia di sản thừa kế tại 03 thửa 2015, 2057, 2058 và ngôi nhà, vì nhà là của vợ chồng ông Khóc E, không phải là nhà của cụ S. Vị trí đất anh T yêu cầu được chia giáp phần đất của bà Lê Thị T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Võ Thị M, anh Lê Văn T, chị Lê Thị Diễm T, đại diện theo pháp luật của cháu Lê Trung T là ông Lê Văn Khóc E cùng trình bày:

Bà M, anh T, chị T, cháu T đều là thành viên của hộ gia đình cụ Nguyễn Thị S tại thời điểm được cấp giấy CNQSDĐ và tại thời điểm hiện nay; nên yêu cầu được chia QSDĐ trong hộ trước khi chia di sản thừa kế của cụ S. Theo đó bà M, anh T, chị T, cháu T yêu cầu cùng ông Khóc E được chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất chung của hộ cụ S; còn lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất là di sản thừa kế của cá nhân cụ S.

- Bản án sơ thẩm số: 53/2018/DS-ST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 212, Điều 584, Điều 589, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Lê Văn A và yêu cầu độc lập bổ sung của bà Lê Thị N, bà Võ Thị R về việc yêu cầu ông Lê Văn Khóc E chia di sản thừa kế là ngôi nhà tọa lạc tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc yêu cầu ông Lê Văn Khóc E trả lại tài sản là một bộ ván.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn A và một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T, bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, anh Lê Tuấn D, anh Võ Chí T về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị S theo pháp luật đối với thửa đất số 2059, 1821 và một phần thửa 2058; tờ bản đồ PTC3; đất tọa lạc tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho Nguyễn Thị S ngày 01/9/2004. Theo đó:

- Ông Lê Văn A được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Thị S để lại gồm 02 phần. Cụ thể:

+ Phần thứ nhất (ký hiệu 4.2): diện tích 175,7m²; thuộc thửa đất số 2058, 2059; trong đó có 115,5m² đất ao hồ; 30m² đất thổ; 30,2m² đất vườn.

Thửa đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất chia cho bà Lê Thị N có số đo 49,54m;
- * Hướng Tây giáp phần đất chia cho bà Võ Thị R có số đo 50,81m;
- * Hướng Nam giáp đường tỉnh 877B có số đo 3,76m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất chia cho hộ Lê Văn Khóc E có số đo 3,42m;

+ Phần thứ hai (ký hiệu 1.1): diện tích 1.102m^2 ; thuộc thửa đất số 1821; loại đất lúa.

Thửa đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất Trương Văn T có số đo 24,74m;
- * Hướng Tây giáp phần đất Nguyễn Thanh A2 có số đo 27,19m;
- * Hướng Nam giáp phần đất chia cho Lê Thị N có số đo 42,47m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất Võ Thị R có số đo 42,56m;

- Bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, Lê Tuấn D được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Thị S để lại gồm 02 phần. Cụ thể:

+ Phần thứ nhất là đường đi vào khu mộ (ký hiệu 4.1): diện tích $305,7\text{m}^2$; thuộc thửa đất số 2058, 2059; trong đó có $115,5\text{m}^2$ đất ao hồ; $190,2\text{m}^2$ đất vườn.

Phần đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất chia cho hộ Lê Văn Khóc E có số đo 52,01m và giáp phần đất chia cho ông Lê Văn A có số đo 50,81m;
- * Hướng Tây giáp phần đất Nguyễn Thanh A2 có số đo 51,83m + 51,66m;
- * Hướng Nam giáp đường tỉnh 877B có số đo 3,00m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất khu mộ có số đo 3,01m;

+ Phần thứ hai là khu mộ (ký hiệu 2.2): diện tích 500m^2 ; thuộc thửa đất số 2058; loại đất vườn.

Phần đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất chia cho hộ Lê Văn Khóc E có số đo 19,59m;
- * Hướng Tây giáp phần đất Nguyễn Thanh A2 có số đo 19,62m;
- * Hướng Nam giáp phần đất chia cho hộ Lê Văn Khóc E có số đo 22,78m và giáp đường đi vào khu mộ có số đo 3,01m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất chia cho hộ Lê Văn Khóc E có số đo 25,33m;

- Bà Lê Thị N được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Thị S để lại gồm 02 phần. Cụ thể:

+ Phần thứ nhất (ký hiệu 4.3): diện tích $171,5\text{m}^2$; thuộc thửa đất số 2058, 2059; trong đó có $115,5\text{m}^2$ đất ao hồ; 30m^2 đất thổ; 26m^2 đất vườn.

Thửa đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất chia cho anh Võ Chí T có số đo 48,27m;
- * Hướng Tây giáp phần đất chia cho bà Lê Văn A có số đo 49,54m;
- * Hướng Nam giáp đường tỉnh 877B có số đo 3,76m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất chia cho hộ Lê Văn Khóc E có số đo 3,43m;

+ Phần thứ hai (ký hiệu 1.2): diện tích 1.102m^2 ; thuộc thửa đất số 1821; loại đất lúa.

Thửa đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất Trương Văn T có số đo 25,82m;
- * Hướng Tây giáp phần đất Nguyễn Thanh A2 có số đo 26,07m;
- * Hướng Nam giáp phần đất chia cho Võ Chí T có số đo 42,50m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất chia cho Lê Văn A có số đo 42,47m;

- Anh Võ Chí T được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Thị S để lại gồm 02 phần. Cụ thể:

+ Phần thứ nhất (ký hiệu 4.4): diện tích $167,1\text{m}^2$; thuộc thửa đất số 2058, 2059; trong đó có $115,5\text{m}^2$ đất ao hồ; 30m^2 đất thổ; $21,6\text{m}^2$ đất vườn.

Thửa đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất chia cho bà Lê Thị T có số đo 47m;
- * Hướng Tây giáp phần đất chia cho bà Lê Thị N có số đo 48,27m;
- * Hướng Nam giáp đường tỉnh 877B có số đo 3,76m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất chia cho hộ Lê Văn Khóc E có số đo 3,43m;

+ Phần thứ hai (ký hiệu 1.3): diện tích 1.102m^2 ; thuộc thửa đất số 1821; loại đất lúa.

Thửa đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất Trương Văn T có số đo 25,51m;
- * Hướng Tây giáp phần đất Nguyễn Thanh A2 có số đo 26,33m;
- * Hướng Nam giáp phần đất chia cho Lê Thị T có số đo 42,54m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất chia cho Lê Thị N có số đo 42,50m;

- Bà Lê Thị T được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Thị S để lại gồm 02 phần. Cụ thể:

+ Phần thứ nhất (ký hiệu 4.5): diện tích $162,8\text{m}^2$; thuộc thửa đất số 2058, 2059; trong đó có $115,5\text{m}^2$ đất ao hồ; 30m^2 đất thổ; $17,3\text{m}^2$ đất vườn.

Thửa đất có tứ cận như sau:

* Hướng Đông giáp phần đất chia cho ông Lê Văn Khóc E có số đo 45,73m;

- * Hướng Tây giáp phần đất chia cho anh Võ Chí T có số đo 47m;
- * Hướng Nam giáp đường tỉnh 877B có số đo 3,76m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất chia cho hộ Lê Văn Khóc E có số đo 3,43m;

+ Phần thứ hai (ký hiệu 1.4): diện tích 1.102m^2 ; thuộc thửa đất số 1821; loại đất lúa.

Thửa đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất Trương Văn T có số đo 26,03m;
- * Hướng Tây giáp phần đất Nguyễn Thanh A2 có số đo 25,76m;
- * Hướng Nam giáp phần đất chia cho Lê Văn Khóc E có số đo 42,58m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất chia cho Võ Chí T có số đo 42,54m;

- Ông Lê Văn Khóc E được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Thị S để lại gồm 02 phần. Cụ thể:

+ Phần thứ nhất (ký hiệu 4.6): diện tích 159,4m²; thuộc thửa đất số 2058, 2059; trong đó có 115,5m² đất ao hồ; 30m² đất thổ; 13,9m² đất vườn.

Thửa đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất Lê Tấn D có số đo 44,45m;
- * Hướng Tây giáp phần đất chia cho Lê Thị T có số đo 45,73m;
- * Hướng Nam giáp đường tỉnh 877B có số đo 3,79m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất chia cho hộ Lê Văn Khóc Em có số đo 3,45m;

+ Phần thứ hai (ký hiệu 1.5 và 1.6): diện tích 2.204m²; thuộc thửa đất số 1821; loại đất lúa.

Thửa đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất Trương Văn T có số đo 23,67m + 25,25m;
- * Hướng Tây giáp phần đất Nguyễn Thanh A2 có số đo 28,17m + 26,49m;
- * Hướng Nam giáp kênh công cộng có số đo 43m;
- * Hướng Bắc giáp phần đất chia cho Lê Thị T có số đo 42,58m;

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Khóc E và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M, anh Lê Văn T, chị Lê Thị Diễm T, cháu Lê Trung T về việc chia quyền sử dụng đất trong hộ.

Hộ gia đình ông Lê Văn Khóc E (gồm Lê Văn Khóc E, Võ Thị M, Lê Văn T, Lê Thị Diễm T, Lê Trung T) được chia quyền sử dụng đất diện tích 6.298,1m², thuộc thửa đất số 2015, 2057, 2058, tờ bản đồ PTC3; đất tọa lạc tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Tiền Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho Nguyễn Thị S ngày 01/9/2004.

Thửa đất có tứ cận như sau:

- * Hướng Đông giáp phần đất Trương Văn T có số đo 158,24m;
- * Hướng Tây giáp phần đất chia cho Võ Thị R có số đo 52,01m; 22,78; 19,59m; 25,33m và giáp đất Nguyễn Thanh A2 có số đo 89,74m;
- * Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông Lê Văn A có số đo 3,42m; giáp đất chia bà Lê Thị N có số đo 3,43m; giáp đất chia cho anh Võ Chí T có số đo 3,43m; giáp đất chia cho bà Lê Thị T có số đo 3,43m; giáp đất chia cho ông Lê

Văn Khóc E có số đo 3,45m; giáp đất của Lê Tấn D có số đo 10,44m; 10,96m; 7,38m; giáp đất Phạm Thị B có số đo 15m.

* Hướng Bắc giáp kênh công cộng có số đo 42,67m;

(Có mảnh trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án).

- Buộc ông Lê Văn Khóc E, bà Võ Thị M, anh Lê Văn T, chị Lê Thị Diễm T, cháu Lê Trung T có trách nhiệm giao lại quyền sử dụng đất theo diện tích được chia thừa kế nêu trên cho bà Lê Thị T, bà Lê Thị N, ông Lê Văn A, bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, anh Lê Tuấn D, anh Võ Chí T, ông Lê Văn Khóc E sử dụng.

- Các đương sự được đăng ký sử dụng đất đối với phần đất được chia nêu trên tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Khóc E về việc đòi tiền công bồi thổ đất trên thửa đất 2059.

- Buộc ông Lê Văn A có trách nhiệm trả công bồi thổ cho ông Lê Văn Khóc E số tiền là 5.341.500đồng; nhưng được căn trừ vào số tiền bồi thổ mà ông A đã giao trước là 15.000.000đồng; ông Khóc E có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông A số tiền là 9.658.500đồng (chín triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn năm trăm đồng).

- Buộc bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, Lê Tuấn D có trách nhiệm trả công bồi thổ cho ông Lê Văn Khóc E số tiền là 4.569.300đồng (bốn triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm đồng).

- Buộc bà Lê Thị N có trách nhiệm trả công bồi thổ cho ông Lê Văn Khóc E số tiền là 5.213.800đồng (năm triệu hai trăm mười ba ngàn tám trăm đồng).

- Buộc anh Võ Chí T có trách nhiệm trả công bồi thổ cho ông Lê Văn Khóc E số tiền là 5.080.000đ (Năm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

- Buộc bà Lê Thị T có trách nhiệm trả công bồi thổ cho ông Lê Văn Khóc E số tiền là 4.949.300đồng (bốn triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm đồng).

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc đòi ông Lê Văn Khóc E bồi thường thiệt hại hoa lợi trên đất số tiền là 16.380.000đồng.

7. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc yêu cầu ông Lê Văn Khóc E trả lại tài sản là 08 cây trụ bê tông.

Buộc ông Lê Văn Khóc E có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lê Văn A 02 trụ bê tông có kích thước 01m x 10cm x 10cm.

8. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn A về việc yêu cầu những người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm hoàn trả lại chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Buộc bà Võ Thị R, anh Lê Văn S, anh Lê Tuấn A1, anh Lê Tuấn D phải hoàn trả lại cho ông A chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 667.700đồng (sáu trăm sáu mươi bảy ngàn bảy trăm đồng);

- Buộc bà Lê Thị N phải hoàn trả lại cho ông A chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.800đồng (mười một ngàn tám trăm đồng);

- Buộc bà Lê Thị T phải hoàn trả lại cho ông A chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.004.800đ (Một triệu không trăm lẻ bốn ngàn tám trăm đồng);

- Buộc anh Võ Chí T phải hoàn trả lại cho ông A chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.008.200đồng (một triệu không trăm lẻ tám ngàn hai trăm đồng);

- Buộc ông Lê Văn Khóc E phải hoàn trả lại cho ông A chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.877.700đồng (một triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm đồng);

- Buộc hộ ông Lê Văn Khóc E (gồm ông Khóc E, bà M, anh T, chị T, cháu T) phải hoàn trả lại cho ông A chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.003.800đồng (năm triệu không trăm lẻ ba ngàn tám trăm đồng);

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 24/8/2018, bị đơn ông Lê Văn Khóc E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M, anh Lê Văn T, chị Lê Thị Diễm T, anh Lê Trung T (người đại diện theo pháp luật Lê Văn Khóc E) kháng cáo yêu cầu được chia tài sản chung trong hộ và nhận kỷ phần thừa kế ở thửa 2058, 2059, 2057, tờ bản đồ PTC3; yêu cầu chia bà R, ông n, ông A1, ông D, bà N, ông A được hưởng thừa kế ở thửa đất lúa 1821, tờ bản đồ PTC3.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn Khóc E vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng qui định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị gì. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm do án sơ thẩm không đưa hai người cháu nội của ông Lê Văn E vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đề nghị hủy án nên chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Khóc E, nghe đương sự trình bày thêm tại phiên tòa phúc thẩm, qua tranh luận và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Xét đơn kháng cáo của ông Lê Văn Khóc E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M, anh Lê Văn T, chị Lê Thị Diễm T, anh Lê Trung T (người đại diện theo pháp luật Lê Văn Khóc E) yêu cầu được chia tài sản chung trong hộ và nhận kỷ phần thừa kế ở thửa 2058, 2059, 2057, tờ bản đồ PTC3; yêu cầu chia bà R, ông S, ông A1, ông D, bà N, ông A được hưởng thừa kế ở thửa đất lúa 1821, tờ bản đồ PTC3.

Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ toàn bộ hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Cụ Lê Văn G và cụ Nguyễn Thị S là vợ chồng, cụ G mất năm 1978, cụ S mất năm 2005. Hai cụ sinh được 06 người con là: Lê Thị T, Lê Thị N, Lê Văn E, Lê Văn A, Lê Văn Khóc E, Lê Thị M. Năm 2004 Ủy ban nhân dân huyện G có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ S đứng tên các thửa đất gồm: Thửa 1821, diện tích 6.566m², loại đất lúa; Thửa 2015, diện tích 1.703m², loại đất lúa; Thửa 2057, diện tích 3.459m², loại đất lúa; Thửa 2058, diện tích 2.044m², loại đất vườn thổ; Thửa 2059, diện tích 693m², loại đất ao (hồ). Sau khi cụ S mất, ngày 21/9/2017 ông Lê Văn A có khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ S mất để lại. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ S cũng có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ S. Chị Lê Thị M mất năm 1994 nên anh Võ Chí T là con duy nhất của chị M là thừa kế thế vị phần di sản của cụ S. Ông Lê Văn E mất ngày 23/8/2013, ông E có vợ và 04 người con, trong đó có một người con trai của ông E đã chết, người con này có vợ và 02 người con. Ông E mất sau cụ S nên phần di sản mà ông E được hưởng của cụ S thì vợ và 04 người con của ông E sẽ hưởng. Như vậy nếu người con trai của ông E chết trước ông E thì 02 người cháu sẽ được hưởng một phần di sản thừa kế của ông E, còn nếu người con chết sau ông E thì cả vợ và 02 con đều được hưởng phần tài sản của ông E mà người con này được hưởng. Tuy nhiên án sơ thẩm chưa điều tra làm rõ ông E còn có một người con đã mất, do đó không đưa những người cháu của ông E vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia giải quyết vụ án. Thiếu sót này của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Tại phiên tòa sơ thẩm bà R là vợ của ông E khai là bà và ông E chỉ có 03 người con, bà không khai người con đã chết. Đây là tình tiết mới phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm. Do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần hủy án sơ thẩm.

Do án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Khóc E cùng các thành viên trong hộ gia đình của ông E.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với phần nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 và khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện P xét xử vụ án tranh chấp “Chia quyền sử dụng đất trong hộ; Chia di sản thừa kế; Bồi thường thiệt hại về tài sản; Đòi lại tài sản”, giữa nguyên đơn: Lê Văn A; bị đơn: Lê Văn Khóc E; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

Về án phí: Anh Lê Văn Khóc E, Lê Văn T, Lê Thị Diễm T, Lê Trung T, Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn lại cho các đương sự số tiền 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 48909 ngày 27/8/2018 và số 48908 ngày 27/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Án phí sơ thẩm sẽ xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 16 tháng 11 năm 2018, có mặt bà T, bà R, ông Khóc E.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện P (kèm hồ sơ);
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2018-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thúy